

PHỤ LỤC 2

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG QHSDD ĐẾN NĂM 2020
XONG - KHÔNG TIẾP TỤC ĐƯA VÀO QHSDD ĐẾN NĂM 2030**

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Loại đất	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	A. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP			
	1. Đất an ninh			
1	Đồn Công an khu công nghiệp Bàu Xéo	Sông Trầu	CAN	0,40
	2. Khu công nghiệp			
2	Khu công nghiệp Giang Điền	Giang Điền	SKK	2,61
	3. Cụm công nghiệp			
3	Cụm công nghiệp vật liệu xây dựng Hồ Nai 3	Hồ Nai 3	SKN	53,08
	4. Đất thương mại dịch vụ			
4	Trạm xăng dầu (trên đường tránh QL1A, khoảng km1+700)	Bình Minh	TMD	0,10
5	Trạm xăng dầu xã Đồi 61	Đồi 61	TMD	0,30
6	Trung tâm dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo	TT.Trảng Bom	TMD	39,00
7	Nhà điều hành Điện lực Trảng Bom	TT.Trảng Bom	TMD	0,65
8	Kho chứa hàng	Bình Minh	SKC	1,12
9	Kho và sân phơi phục vụ sản xuất	Cây Gáo	SKC	4,11
10	Công ty TNHH SXTM Phát Hoàng Long	Hồ Nai 3	SKC	0,25
11	Kho chứa ván okal, MDF (2)	Hồ Nai 3	SKC	0,99
12	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (8)	Hồ Nai 3	SKC	0,70
13	Nhà máy D&F	Trung Hòa	SKC	5,60
14	Kho chứa bao bì	Bắc Sơn	SKC	2,00
15	Điểm giết mổ tập trung (1)	Bình Minh	SKC	2,48
16	Kho chứa hàng (Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ xuất khẩu - Công ty Đồng Quốc Hưng)	Hồ Nai 3	SKC	3,73
	6. Đất phát triển hạ tầng			
	6.1. Đất cơ sở văn hóa			
17	Trung tâm văn hóa, thể thao, học tập cộng đồng xã Bắc Sơn	Bắc Sơn	DVH	0,40
18	Trung tâm văn hóa, thể thao, học tập cộng đồng xã Sông Thao	Sông Thao	DVH	0,25
19	Đất xây dựng cơ sở văn hóa (2)	Sông Trầu	DVH	1,15
	6.2. Đất cơ sở Giáo dục đào tạo			
20	Trường mầm non Phú Sơn	Bắc Sơn	DGD	0,25
21	Trường MN Anh Đào (mở rộng tại ấp Tân Bắc)	Bình Minh	DGD	0,10
22	Trường mầm non Sao Mai	Đông Hòa	DGD	0,32
23	Trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông Trịnh Hoài Đức	Quảng Tiến	DGD	0,16
24	Trường tiểu học An Bình (mở rộng)	Trung Hòa	DGD	0,82

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Loại đất	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
25	Trường tiểu học liên xã Đông Hòa - Trung Hòa (Nay là trường Nguyễn Khuyến)	Trung Hòa	DGD	0,90
26	Trường TH bán trú, thị trấn Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGD	3,00
	6.3. Đất cơ sở khoa học và công nghệ			
27	Trạm quan trắc động thái nước dưới đất	An Viễn	DKH	0,01
28	Trạm quan trắc động thái nước dưới đất	Thanh Bình	DKH	0,01
29	Trạm quan trắc động thái nước dưới đất	Trung Hòa	DKH	0,01
	6.4. Đất giao thông			
30	Đường đầu nối từ đường bao khu công nghiệp Hồ Nai ra đường Phú Sơn - Tân Cang	Bắc Sơn	DGT	3,86
31	Đường đầu nối KCN Giang Điền với đường tránh Biên Hòa (Tổng Công ty phát triển khu công nghiệp)	Giang Điền	DGT	5,22
32	Đường giao thông (đoạn đầu nối từ đường Hùng Vương đến cây xăng giáp nhà điều hành điện lực)	TT.Trảng Bom	DGT	0,40
33	Đường vào sau Bệnh viện	TT.Trảng Bom	DGT	0,07
34	Nâng cấp đường vào Bệnh viện đa khoa	TT.Trảng Bom	DGT	0,13
35	Đường Lý Thường Kiệt	TT.Trảng Bom	DGT	0,09
	6.5. Đất thủy lợi			
36	Trạm xử lý nước thải (3)	Giang Điền	DTL	0,01
37	Hệ thống cấp nước tập trung xã Sông Thao (mở rộng)	Sông Thao	DTL	0,21
38	Hệ thống cấp nước tập trung xã Sông Trầu (mở rộng)	Sông Trầu	DTL	0,12
	6.6. Đất năng lượng			
39	Đường dây 500 KV Sông Mây - Tân Uyên	Bắc Sơn	DNL	1,81
40	Đường dây 500 KV Vĩnh Tân nhánh rẽ Sông Mây - Tân Uyên	Bắc Sơn, Thanh Bình, Cây Gáo	DNL	0,62
41	Trạm biến áp 110 KV xã Giang Điền và đường dây đầu nối	Giang Điền	DNL	3,47
	6.7. Đất bưu chính, viễn thông			
42	Nhà trạm khu công nghiệp Bàu Xéo	Sông Trầu	DBV	0,10
	6.8. Đất chợ			
43	Chợ An Viễn	An Viễn	DCH	0,10
44	Chợ chiều Cây Gáo	Cây Gáo	DCH	0,18
	7. Đất ở			
	7.1. Đất ở tại nông thôn			
45	Khu dân cư (1) - 6,5 ha	Đồi 61	ONT	6,50
46	Khu dân cư mật độ thấp (Nay là KDC Phú An Lành)	Sông Trầu	ONT	105,99
47	Khu dân cư thương mại và dịch vụ (Bảo Cường)	An Viễn	ONT	1,59
48	Điều chỉnh đất sản xuất kinh doanh sang đất ở tại xã Trung Hòa	Trung Hòa	ONT	0,08
49	Điều chỉnh đất đội thuế sang đất ở để đầu giá	Bàu Hàm	ONT	0,02
	7.2. Đất ở tại đô thị			
50	Khu dân cư CTy An Phú Hưng	TT.Trảng Bom	ODT	2,90
	8. Đất xây dựng trụ sở cơ quan			

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Loại đất	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
51	Ban Chỉ huy Quân sự xã Tây Hòa	Tây Hòa	TSC	0,22
	9. Đất cơ sở tôn giáo			
52	Giáo xứ Xuân An (Giáo họ Vô Nhiễm)	An Viễn	TON	0,92
53	Giáo xứ Phú Sơn	Bắc Sơn	TON	1,54
54	Giáo xứ Bàu Hàm	Bàu Hàm	TON	0,19
55	Giáo xứ Trà Cổ	Bình Minh	TON	1,17
56	Chùa Long Phước	Đồi 61	TON	0,48
57	Chùa Liên Phước	Đồi 61	TON	0,48
58	Dòng Mến Thánh Giá Tân Lập	Đông Hòa	TON	0,16
59	Cộng đoàn Tâm Hoà trực thuộc Dòng mến thánh giá Thủ Đức	Đông Hòa	TON	0,49
60	Chùa Tăng Hội	Giang Điền	TON	0,62
61	Nhà thờ giáo xứ Ngô Xá	Hố Nai 3	TON	0,49
62	Cơ sở Dòng tu (Cộng đoàn Thánh giá)	Hố Nai 3	TON	0,30
63	Dòng Mến Thánh Giá Tân Lập	Hưng Thịnh	TON	0,17
64	Chùa Vạn Thọ	Hưng Thịnh	TON	0,30
65	Dòng con đức mẹ Vô nhiễm	Hưng Thịnh	TON	0,15
66	Giáo Xứ Mân Côi	Hưng Thịnh	TON	0,39
67	Tịnh xá Ngọc Tâm	Sông Trầu	TON	1,16
68	Đức Mẹ Vô Nhiễm	Sông Trầu	TON	0,33
69	Tu Viện Đa Minh Thái Bình	Tây Hòa	TON	0,28
70	Giáo xứ Lợi Hà (mới)	Thanh Bình	TON	1,86
71	Giáo xứ Tâm An	Trung Hòa	TON	0,02
72	Mến thánh giá Gò Vấp	Trung Hòa	TON	0,14
73	Giáo xứ Tâm An (Nhà thờ An Bình)	Trung Hòa	TON	0,86
74	Chùa Đà La Ni	TT.Trảng Bom	TON	3,17
75	Chùa Phước Huệ	TT.Trảng Bom	TON	0,53
76	Tịnh Xá Ngọc Nhẫn	TT.Trảng Bom	TON	0,38
77	Chùa Từ Quang	TT.Trảng Bom	TON	0,08
78	Nhà nguyện giáo họ (Giáo họ Giuse)	An Viễn	TON	0,76
79	Cơ sở dòng La San Việt Nam	Bắc Sơn	TON	0,65
80	Công đoàn LaSan Phú Sơn	Bắc Sơn	TON	0,47
81	Đài Giuse (Giáo xứ Thanh Hóa)	Bắc Sơn	TON	0,06
82	Đài Trinh Vương (Giáo xứ Bùi Chu)	Bắc Sơn	TON	0,01
83	Đất thánh ki tô Giáo họ	Bắc Sơn	TON	0,01
84	Họ Thánh Tâm	Bắc Sơn	TON	0,03
85	Giáo xứ ấp Tân Thành	Bắc Sơn	TON	0,48
86	Họ Lộ Đức (ấp Bắc Hòa)	Bắc Sơn	TON	0,01
87	Nhà dòng Phú Sơn Vĩnh Sơn 2	Bắc Sơn	TON	3,17
88	Tượng Jesue (ấp Bùi Chu)	Bắc Sơn	TON	0,01
89	Cộng đoàn Mến thánh giá Phú Sơn	Bắc Sơn	TON	1,00
90	Nhà giáo lý (GX Bùi Chu)	Bắc Sơn	TON	1,33
91	Giáo xứ Tân Hương	Bình Minh	TON	0,11
92	Đài đức mẹ (Giáo họ Mân Côi)	Đông Hòa	TON	0,01
93	Đài thánh Martino	Đông Hòa	TON	0,03
94	Đài đức mẹ (Giáo Họ Vô Nhiễm)	Đông Hòa	TON	0,03

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Loại đất	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
95	Giáo họ Giuse	Đông Hòa	TON	0,01
96	Giáo họ Thánh Tâm	Đông Hòa	TON	0,02
97	Giáo họ Gioan	Đông Hòa	TON	0,02
98	Giáo họ Trinh Vương	Đông Hòa	TON	0,03
99	Đài thánh Vinh Sơn Liêm	Đông Hòa	TON	0,03
100	Đài đức mẹ (Giáo họ Lê Bảo Tịnh)	Đông Hòa	TON	0,09
101	Tu Đoàn tình thương (Nay là Hiệp hội Nữ Thừa Sai Tình Thương)	Đông Hòa	TON	0,99
102	Nhà Mục vụ Tòa giám mục Xuân Lộc	Đông Hòa	TON	1,14
103	Viên Giác Thiên tự	Giang Điền	TON	4,30
104	Chùa Pháp Lạc	Giang Điền	TON	0,82
105	Giáo họ Martino (Giáo xứ Giang Điền)	Giang Điền	TON	0,11
106	Giáo họ Martino	Giang Điền	TON	0,11
107	Tu viện Toàn Giác	Giang Điền	TON	1,75
108	Cộng đoàn Dòng Đồng công (nay là Tu viện Đức mẹ Carmêlô Dòng Mẹ Chúa Cứu Chuộc Giang Điền)	Giang Điền	TON	0,48
109	Chùa Long Hưng	Hưng Thịnh	TON	1,19
110	Giáo Xứ Hiền Linh	Thanh Bình	TON	1,13
111	Cộng đoàn Nữ Lasan Tình Thương Lợi Hà	Thanh Bình	TON	0,53
112	Dòng La San	Thanh Bình	TON	0,57
113	Chùa Phật Đạo	Trung Hòa	TON	0,34
114	Đài Đức Mẹ Vô Nhiễm	Bình Minh	TON	0,10
115	Nhà nguyện Sông Mây (Nay là Giáo xứ Bùi Đệ)	Bình Minh	TON	2,26
116	Chùa Phổ Quang	Cây Gáo	TON	0,05
	10. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm			
117	Ấp 4 Sông Trầu - (TB.S1-2)	Sông Trầu	SKX	12,88
	11. Đất sinh hoạt cộng đồng			
118	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp An Chu	Bắc Sơn	DSH	0,03
119	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Sông Mây	Bắc Sơn	DSH	0,05
120	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Việt	Bàu Hàm	DSH	0,04
121	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc Tân Phát	Đồi 61	DSH	0,07
122	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Thịnh	Đồi 61	DSH	0,06
123	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đoàn Kết	Giang Điền	DSH	0,02
124	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình (chưa có trong KHSDĐ 2020)	Giang Điền	DSH	0,02
125	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thuận Trường	Sông Thao	DSH	0,07
126	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Sông Trầu	DSH	0,01
127	Nhà văn hóa ấp 1	Sông Trầu	DSH	0,02
128	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình	Đông Hòa	DSH	0,04
129	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Quảng Đà	Đông Hòa	DSH	0,07
130	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	An Viễn	DSH	0,20
	12. Đất bãi thải, xử lý rác thải			

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Loại đất	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
131	Khu xử lý rác sinh hoạt, rác thải công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại	Tây Hòa	DRA	8,67
	13. Đất cơ sở tín ngưỡng			
132	Miếu Thành Hoàng	Tây Hòa	TIN	0,06
133	Miếu (Thanh Bình)	Thanh Bình	TIN	0,16
	B. Đất nông nghiệp			
	1. Đất trồng cây lâu năm			
134	Di dời đất quốc phòng xã Bình Minh	Bình Minh	CLN	24,90